

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2024/HS-ST
Ngày: 03-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phước Tâm

2. Ông Võ Chí Sĩ

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Trọng Nhân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: **43/2024/HSST**-QĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn R, sinh năm 1963 tại Đồng Tháp; Tên gọi khác: Không có; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Hạ, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ học vấn: 05/12; Con ông Nguyễn Quang N (đã chết) và bà Phan Lệ H (đã chết); Vợ tên Huỳnh Thị Cà T; Con: 01 con sinh năm 1982; Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không có; Tạm giữ; Tạm giam: Không có; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

Huỳnh Thị Cà T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo:

Trần Hồng T1 – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ (Có mặt)

Bị hại:

Phạm Thị T2, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Văn R bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 02/10/2023, bị cáo Nguyễn Văn R cùng với ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1969, ngụ ấp M, xã M, huyện C, Đồng Tháp đến quán kinh doanh ăn uống của bà Phạm Thị T2 tại ấp M, xã M, huyện C, Đồng Tháp uống rượu và hát karaoke. Trong lúc uống rượu, bị cáo R cho rằng ông M lấy trộm con cóc bằng kim loại của bị cáo R nên hai bên xảy ra cự cãi, ông M bỏ đi về trước, còn bị cáo R tiếp tục ở lại quán. Lúc này, bà T2 khoá cửa phòng ngủ lại để đi ra ngoài đón cháu. Khi bà T2 đi, bị cáo R cho rằng bà T2 giấu con cóc bằng kim loại của mình nên đi tìm trong nhà bà T2, phát hiện có một cái bóp nữ trong tủ nhựa, trong bóp có tiền nên ông R lấy 14.510.000 đồng, còn một số tiền không xác định thì để lại vị trí cũ, bị cáo R cất tiền vào túi quần rời khỏi quán bà T2. Bị cáo R đi bộ khoảng 500m sau đó đón xe đến quán Ngọc L tại thị trấn M uống rượu tiếp. Bà T2 về quán không thấy bị cáo R, thấy cửa phòng bị mở và đồ đạc có dấu hiệu bị xáo trộn nên bà T2 kiểm tra trong bóp thì phát hiện bị mất số tiền 14.510.000 đồng. Bà T2 trình báo Công an xã M, sau đó Công an xã M phối hợp Công an thị trấn M mời ông R về làm việc. Bị cáo R thừa nhận đã trộm cắp tiền của bà T2 và giao nộp số tiền 14.460.000 đồng (bị cáo R lấy 50.000 đồng trả tiền xe) cho Công an xã M.

Theo kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số: 293/2024/KLGD ngày 05/8/2024 của Trung tâm P:

- Kết luận theo tiêu chuẩn y học: trước, trong, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (ngày 02/10/2023) và hiện tại: bị cáo R có bệnh lý tâm thần: Tâm thần phân liệt thể không biệt định (F20.3-ICD10), giai đoạn bệnh thuyên giảm.

- Kết luận về khả năng nhận thức, điều khiển hành vi: Tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (ngày 02/10/2023) và hiện tại: bị cáo R hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi do giai đoạn bệnh thuyên giảm.

Tại Công văn số 293.0/PYTTTTNB ngày 05/8/2024 về việc giải thích kết luận giám định pháp y tâm thần trường hợp Nguyễn Văn R: Về trách nhiệm hình sự: tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (ngày 02/10/2023) và hiện tại: Đương sự có năng lực trách nhiệm hình sự..

Về vật chứng, quá trình điều tra đã thu giữ:

- Tiền Việt Nam 14.460.000 đồng (do bị cáo R giao nộp).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã xử lý trả lại số tiền 14.460.000 đồng cho bà T2.

Về dân sự: Bà T2 đã nhận lại tiền và không có yêu cầu gì thêm. Đối với số tiền 50.000 đồng bị cáo R lấy trả tiền xe, bà T2 không có yêu cầu bị cáo R trả lại nên không đặt ra xem xét.

Trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn R đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai các nhân chứng cùng các chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 37/CT-VKSHCL ngày 09/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn R về tội “Trộm cắp tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

- Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn R phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; **Điều 54 của** Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn R với mức án từ 03 tháng đến 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bà Phạm Thị T2 không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận, đối đáp gì.

Bà Trần Hồng T1 trình bày lời bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt và các vấn đề khác áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân bị bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, bản thân bị cáo đang nuôi 02 cháu nội đang đi học, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng mức án treo.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc 02 cháu nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, mọi hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn R thừa nhận hành vi phạm tội được mô tả trong bản cáo trạng **số 37/CT-VKSHCL** ngày 09/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh là đúng với hành vi của bị cáo.

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 02/10/2023 tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu nên đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản của bà Phạm Thị T2 với số tiền là 14.510.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn R đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...”

[3] Xét hành vi của bị cáo Nguyễn Văn R, khi thực hiện tội phạm, bị cáo là người đã thành niên, bản thân bị cáo tại thời điểm phạm tội và hiện nay mắc bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng không thuộc

trường hợp bắt buộc chữa bệnh theo quy định tại Điều 49 Bộ luật Hình sự, nên bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Tại phiên tòa, bị cáo còn khai rằng biết hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì lòng tham mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên, chứng tỏ hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và tội phạm đã hoàn thành. Về nhận thức bị cáo biết hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây xôn xao dư luận, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương nơi xảy ra vụ án. Do vậy, đối với bị cáo cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người bị bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình có hoàn cảnh khó khăn đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s, q khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi lượng hình cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Xét thấy, bị cáo Nguyễn Văn R có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và không có tình tiết tăng nặng, đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự, không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam mà chỉ áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo. Đồng thời tạo điều kiện cho bị cáo học tập, lao động để trở thành công dân tốt và là người có ích cho gia đình, xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, bị hại bà Phạm Thị T2 đã nhận được lại số tiền bị mất là 14.460.000 đồng, đối với số tiền còn lại là 50.000 đồng bà T2 không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong

[9] Về án phí: Căn cứ quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Văn R thuộc trường hợp là người cao tuổi, khuyết tật nên không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh về tội danh, điều luật truy tố và các vấn đề khác là có căn cứ chấp nhận một phần.

[11] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn R là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; **Điều 65 của Bộ luật hình sự.**

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn R** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn R 09 (chín) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 03/12/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Văn R cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Văn R cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Văn R phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp đang trong thời gian thử thách mà bị cáo Nguyễn Văn R phạm tội mới, thì Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Văn R phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.
4. Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.
5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Nguyễn Văn R được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- Cơ quan CSĐT Công an HCL;
- CQ THAHS & HTTP CAHCL;
- THADS huyện Cao Lãnh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VPTA & hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Võ Thị Kim Hoa